



Bài báo nghiên cứu

HÌNH THÁI KHÔNG GIAN TRUNG GIỚI TRONG TIỂU THUYẾT NHỮNG ĐỨA CON CỦA NỬA ĐÊM CỦA SALMAN RUSHDIE

Huỳnh Thị Diễm

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Huỳnh Thị Diễm – Email: htdiem@agu.edu.vn

Ngày nhận bài: 03-10-2024; ngày nhận bài sửa: 13-11-2024; ngày duyệt đăng: 29-11-2024

TÓM TẮT

Bài viết phân tích các hình thái không gian nổi bật trong tiểu thuyết *Những đứa con của nửa đêm* của Salman Rushdie. Tính chất đa dạng văn hóa, bản sắc quốc gia và thách thức sinh thái của Ấn Độ hậu thuộc địa được tập trung làm rõ thông qua những cách tân về thi pháp. Trong đó, cốt lõi của phân tích này là mô hình Không gian Trung giới, phát triển từ Third Space, được mô tả như một môi trường “trung chuyển” mang cảm thức “hoài hương”, có vai trò quan trọng trong cơ chế lai tạo và chuyển giao bản sắc. Từ mối quan hệ với các hình thái không gian, hệ thống nhân vật gồm nhiều giai tầng, xuất thân, lãnh thổ có cơ hội tái tạo diễn ngôn và căn tính của mình. Dựa trên nền tảng đó, những mô hình mang tính chất thử nghiệm như Lok Sabha “hư ảo”, rừng núi sinh thái, u linh góp phần làm phong phú thực tiễn sáng tác cho lý thuyết văn học. Rushdie đã nói rộng biên độ không gian sang ý niệm trù tượng mới, thúc đẩy những truy vấn về quyền lực, bản sắc và sinh thái trong bối cảnh đương đại. Qua đó, Không gian Trung giới phản ánh sự năng động của tri thức, dự phóng những thách thức mới của quá trình phát triển bền vững.

Từ khóa: Không gian Trung giới; *Những đứa con của nửa đêm*; Salman Rushdie

1. Mở đầu

Trong bối cảnh văn học đương đại, sự vận động của thi pháp không gian là một chủ đề quan trọng trong việc nghiên cứu tiểu thuyết hậu thuộc địa. Salman Rushdie là một đại diện tiêu biểu. Không gian trong tác phẩm của ông đóng vai trò như một cấu trúc diễn ngôn phức tạp. Trong đó, các yếu tố văn hóa, lịch sử và ngôn ngữ giao thoa, tạo ra những tương tác đa chiều (Rushdie, 2014). Vấn đề này đã được nghiên cứu nhưng vẫn có thể tiếp tục triển khai sâu hơn.

Các nghiên cứu về không gian trong *Những đứa con của nửa đêm* chủ yếu hướng đến việc giải mã bản sắc hậu thực dân và sự linh động văn hóa nhưng mới ở mức độ khái quát và chưa đi vào các tầng lớp phức tạp của hình tượng không gian cũng như vai trò của nó

Cite this article as: Huynh Thi Diem (2024). The forms of Intermediary Space in Salman Rushdie's novel *Midnight's Children*. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(11), 2052-2062.

trong diễn ngôn tiểu thuyết. Tygstrup tuy cho rằng việc nhân vật chính di chuyển giữa các bối cảnh văn hóa đã phản ánh trải nghiệm của người nhập cư, nhưng lại chưa phân tích về mặt lý thuyết cũng như sự ảnh hưởng của không gian lên hành trình bản sắc đó (Tygstrup, 2008). Tương tự, Pringle (2002) khi đề cập chiến lược sơ đồ hóa của Rushdie đã thách thức mô hình không gian truyền thống, song chỉ dừng lại ở việc mô tả hiện tượng mà chưa thảo luận ý nghĩa của chiến lược ấy trong ngữ cảnh hậu thực dân.

Cấu trúc phi tuyến của tiểu thuyết được O'Brien nhắc đến như yếu tố biểu lộ tính hỗn loạn nhưng thiếu phân tích chi tiết về cách thức mà yếu tố này tác động đến cảm xúc và trải nghiệm đọc (O'Brien, 2015). Một nghiên cứu khác của Dora-Laskey đã chỉ ra sự pha trộn nhiều ngôn ngữ trong tác phẩm tạo nên một "Third Space" đa dạng, đáng tiếc là các yếu tố văn hóa bản địa trong sự pha trộn này vẫn chưa được khám phá (Dora-Laskey, 2016). Rừng Sundarbans trong *Những đứa con của nửa đêm* là không gian biểu tượng của sự giao thoa giữa tự nhiên và tiềm thức. Đây là nơi nhân vật phải đối diện với xung đột nội tâm và những mâu thuẫn chính trị thời hậu thuộc địa (Huynh, 2021). Tuy nhiên, nghiên cứu này chưa khai thác trọn vẹn vai trò của rừng trong việc tái định hình bản sắc.

Bài viết này tập trung làm rõ thi pháp không gian trong tiểu thuyết của Salman Rushdie dưới góc nhìn thể loại và hướng tiếp cận diễn ngôn; hướng đến việc mở rộng, làm phong phú khung phân tích không gian – thời gian nghệ thuật như lộ trình cách tân thi pháp không gian trong tiểu thuyết Ấn Độ, từ *Không gian Thứ ba (Third Space)* đến *Không gian Trung giới*. Việc nhận diện không gian Trung giới tiểu thuyết mở ra cơ hội tái định hình bản sắc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Bài viết góp phần khẳng định sự đa dạng, đa thanh và năng động của văn chương đương đại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Từ Không gian Thứ ba đến Không gian Trung giới

Khái niệm "Không gian Thứ ba" (Third Space) trong lý thuyết văn học hậu thuộc địa được nhà phê bình Homi K. Bhabha (1994) diễn giải như một miền giao thoa, nơi mà hiện tồn trù tượng chứa đầy sức nặng của những cuộc va đập, thể nhập và phân li văn hóa. Ông xác định mô hình "Không gian Thứ ba" như một vùng đối thoại để các dòng chảy văn hóa xô chạm vào nhau, cuộn lên vô số mảnh ghép của bất chước và lai tạo (hybridity). Nó tựa hồ một cõi trung gian, bắt rễ từ hiện thực nhưng không thuộc về ai, không có ngăn cách hay thống trị. Một vũ trụ tạo sinh vốn chưa từng ổn định. Chính tại đây, cái gọi là "căn tính" bùng nổ, đa âm sắc và khiêu vũ say mê trong thời - không "dị giới". Dường như chưa nền văn hóa nào chiếm ngự được không gian đó. Chỉ có cơ chế của cộng hưởng, đan xen và tái tạo (Bhabha, 1994). Phải chăng từ đây, từ cái kì dị của lai tạo, Bhabha đã dẫn lối chúng ta vào cuộc phiêu lưu nơi mà thi pháp tiểu thuyết Ấn Độ hậu thuộc địa sẽ tìm gặp bạn đồng hành trong lý thuyết của Michel Foucault? Đó là cái nhìn thăm sâu vào nội tại ý niệm vô hình, bao trùm hơi thở quyền lực – tri thức trong tình thế vỡ vụn đầy tính hiện đại mà Foucault phác họa.

Không gian “Dị địa” (Heterotopia) được Foucault (1984) mô tả như những không gian khác lạ, tồn tại song song với hiện thực. Từ tính chất song song và dị biệt, Heterotopia trở thành chiều kích bí ẩn, nơi thực tại đổ bóng lên những cấu trúc tiềm tàng. Nó đáp lại xã hội bằng tín hiệu phản hồi kì dị. Không gian đó không biệt lập mà là kết cấu “địa tầng” cho hiện thực nhưng vận hành trên nguyên tắc nghịch dị, tái cấu trúc. Cái quen thuộc vì thế cũng trở nên vừa dẹt dẹt vừa kì quặc trong vùng đứt gãy thiết chế thông thường. Foucault phân chia biên giới của Heterotopia thành hai lãnh địa: Heterotopia “khủng hoảng” và Heterotopia “lệch lạc”. Hai cõi Heterotopia hoạt động với chức năng riêng. Trong khi Dị địa khủng hoảng là điểm đến của cái dễ tổn thương (thanh thiếu niên, phụ nữ mang thai, người già, người yếu thế) thì không gian “lệch lạc” hiện lên với mô thức nhà tù, viện tâm thần, viện dưỡng lão. Chức năng của Dị địa luôn “trôi nổi” trên dòng chảy của thời gian dị biệt (Heterochronies/ Dị thời) để biến thiên cùng văn hóa, thách thức tính hữu hạn, hư vô của chuẩn tắc và định kiến.

Về mật độ giao thoa, Dị địa kết hợp nhiều không gian và địa điểm để tạo ra “vũ trụ” ảo phổ quát, hoàn hảo hơn so với không gian thực địa. Trong sự chồng lấn, Dị địa mở ra những ý niệm mới về bản chất thời gian. Hình thái Dị thời (Heterochronies) phát sinh trong sự phân chia, trải nghiệm không gian Dị địa. Nó hiện diện đầy đủ khi con người cảm nghiệm sự đổ vỡ hoàn toàn với thời gian truyền thống. Ở đó, thời gian phi tuyến bất tuân quy luật chu kì. Theo Foucault (1984), nghĩa trang là một Dị địa – Dị thời rất điển hình, con người cảm nhận sự giao thoa của quá khứ, hiện tại cùng những phóng chiếu vị lai trong cái nhập nhằng sống – chết. Ý tưởng của Foucault đã đưa Dị địa - Dị thời đến sát bên ngưỡng cửa của thế giới huyền thoại Lâm Bô hay cõi Thân Trung Âm. Nếu như Không gian Thứ ba của Bhabha thoát thai từ bối cảnh văn hóa hậu thực dân thì Dị giới của Foucault là mô thức đậm màu triết học. Trong *The location of culture*, Bhabha (1994) đã xác lập định nghĩa về Không gian Thứ ba trong mối quan hệ với diễn ngôn: “Không gian Thứ ba, nơi vừa đại diện cho các điều kiện chung của ngôn ngữ vừa mang ý nghĩa cụ thể của phát ngôn trong một chiến lược biểu đạt và thể chế mà bản thân nó không thể tự nhận thức được... vì đây không phải là sự cá nhân hóa, mà là một mối quan hệ không gian nằm trong sơ đồ và chiến lược của diễn ngôn” (Bhabha, 1994, p.36). Khái niệm Không gian Thứ ba của Bhabha trở thành đặc trưng nổi bật của văn học hậu thuộc địa bởi nó đã mở ra chiều kích tự do hơn cho bản sắc, một khung trời của sự giao thoa và tái sinh từ đổ nát. Với Không gian Thứ ba, những cấu trúc cũ – dày cộm lên tính ổn định giả vờ – dễ dàng tan vỡ. Khả thể văn hóa mới được hình thành. Thay vì tuân theo các khái niệm về tính nguyên bản “thuần khiết” hoặc uy quyền, Không gian Thứ ba có khuynh hướng đa dạng hóa, một cách bảo tồn văn hóa bản địa đang trên đà bị thủ tiêu, mai một. Bhabha viết “sự can thiệp của Không gian Thứ ba trong diễn ngôn, khiến cấu trúc của ý nghĩa và tham chiếu trở thành một quá trình đầy mâu thuẫn” (Bhabha, 1994, p.37). Không gian Thứ ba phản chiếu cuộc đối thoại đa thanh, nơi mà văn học hậu thuộc địa bắt đầu tìm được tiếng nói riêng. Trong diễn ngôn về đổ vỡ, tiếng nói bản địa chiếm lấy tiềm lực phát ngôn để kể lại câu chuyện của mình.

Nói về khung phân tích thi pháp không gian trong tiểu thuyết của Rushdie bằng tư duy thể loại, quan điểm của Bakhtin về nguyên lý đối thoại (tính đa thanh) và cấu trúc diễn ngôn của Tyupa là những nền tảng ổn định để phân tích sự vận hành của các hình thái không gian trong tác phẩm tự sự. M. Bakhtin nhấn mạnh rằng mọi phát ngôn “đều mang tính diễn ngôn”, không tồn tại độc lập mà luôn nằm trong mối quan hệ đối thoại với các diễn ngôn khác. (Bakhtin 1984, p.275). Trong mối quan hệ đó, “mọi lời nói đều là một phần của một cuộc đối thoại lớn hơn, nơi mà các giọng nói khác nhau tương tác, đối lập và bổ sung cho nhau” (Huynh, 2024, p.25). Tính đa thanh trong tiểu thuyết cho phép các yếu tố văn hóa xã hội khác nhau được kết hợp mà không mất đi bản sắc riêng, tạo nên không gian văn hóa đa chiều (Shevtsova, 1992). Tương tự, Tyupa cho rằng diễn ngôn được định hình từ văn hóa - xã hội. Bối cảnh lịch sử phản ánh cấu trúc quyền lực và tạo điều kiện cho diễn ngôn trở thành phương tiện biểu đạt các “động cơ quyền thế” ngầm ẩn trong tiểu thuyết (Huynh, 2024). Như vậy, quan điểm thi pháp của Bakhtin và Tyupa giúp ta khám phá Dị địa và Không gian Thứ ba với tư cách không gian đặc biệt của diễn ngôn, nơi các giá trị, hệ quy chiếu văn hóa – ngôn ngữ không ngừng bị thách thức, tái định hình. Việc liên kết các mô hình không gian văn hóa – triết học với không gian diễn ngôn tiểu thuyết mở ra cơ hội sáng tạo và đổi mới khả năng nghiên cứu văn chương đương đại.

Các hình thái không gian Trung giới xuất hiện trong tiểu thuyết *Những đứa con của nửa đêm* như bối cảnh cho nguyên lý đối thoại và quyền lực diễn ngôn. Không gian Trung giới khởi nguồn từ “Trạng thái Trung gian” (betwixt and between) – một “giai đoạn chuyển tiếp” trong các nghi lễ chuyển giao. Theo Turner (1964), giai đoạn này cá nhân hoặc nhóm người (thiếu niên bộ lạc) rời bỏ trạng thái cũ nhưng chưa hoàn toàn bước vào trạng thái mới (trưởng thành). Chúng tôi nhận thấy trong tiểu thuyết *Những đứa con của nửa đêm*, Không gian Trung giới là kiểu thời – không mà quốc gia độc lập non trẻ chuyển mình sang thời kỳ mới nhưng chưa đến được bình minh. Tuy nhiên, điểm độc đáo nằm ở những cách tân nghệ thuật của Rushdie. Ông đã lấp đầy “trạng thái trung gian” bằng cảm thức hoài hương (nostalgia), bằng diễn ngôn, huyền thoại, đa thanh, đa ngôn ngữ và dấu ấn sinh thái sơ khai. Không gian Trung giới trong tiểu thuyết của Rushdie trở thành môi trường nghệ thuật lí tưởng cho các thực thể văn hóa, quyền lực diễn ngôn, cảm thức thẩm mỹ, các phương thức sáng tác văn chương giao thoa, tranh chấp và tái tạo. Trong đó, nhân vật di cư của Rushdie không thuộc về không gian thực tại bờ Tây hay bờ Đông, mà nằm ở đường biên, phi thực tại, đầy tính ẩn dụ. Đây là không gian hư cấu, từ chối đồng nhất với bất kì nền văn hóa mà nhà văn đa văn hóa thuộc về. Trú ẩn vào “không gian thứ ba”, con người được giải thoát khỏi sự ràng buộc, chẳng cần tuân theo bất kì chuẩn tắc nào từ hai phía.

Phải thừa nhận rằng Salman Rushdie có một năng lực sáng tạo độc đáo với tư cách một nhà văn, nhà phê bình văn học. Ngôi bút của Salman Rushdie mang đến khả năng tưởng tượng phi thường. Thật khó để tìm một mô hình cố định nào “vừa vặn” cho tác phẩm của ông. Chính Rushdie cũng từng chia sẻ về “tính bất trắc” luôn diễn ra trong quá trình sáng tác

của mình (Maddocks, 2015). Ông gần như cho phép chất liệu phản ứng với nhau trong “chiếc túi bí mật” của ngôn từ. Nếu cần rút ra một số đặc trưng (cũng là Rushdie từng gọi ý), ta thấy tiểu thuyết của ông chuộng khả năng lai hóa. Trong đó, sự lai hóa đóng vai trò tác nhân ngầm khơi dậy ý thức về “tính chất bất toàn” (một nguyên lí của Bakhtin). Khi bản sắc bị xô lệch trong vũ điệu của xung đột và tranh chấp, nhân vật trở thành kẻ lang thang giữa nhiều nền văn hóa, chấp chới trước làn sóng toàn cầu. Rushdie khắc họa một cách tinh tế căn tính con người. Một căn tính chờ tái định nghĩa với sự bấp bênh trong cõi chuyển giao của Không gian Trung giới.

2.2. Lok Sabha “hư ảo” như là cõi chuyển giao

Trong tác phẩm *Những đứa con của nửa đêm*, Salman Rushdie đã sáng tạo một không gian chuyển giao mang màu sắc huyền ảo, phức hợp. Trong đó, 581 đứa trẻ được sinh ra đúng vào thời khắc Ấn Độ giành độc lập, chúng có năng lực siêu nhiên dị biệt. Riêng Saleem là người kết nối tất cả qua khả năng giao tiếp xuyên không: “Năm trăm tám mươi một đứa trẻ sẽ tề tựu, trong một tiếng, từ nửa đêm đến một giờ sáng, tại Lok Sabha hay là Nghị viện của não bộ của tôi. Hạ viện của Quốc hội Ấn Độ” (Rushdie, 2014, p.298). Những đứa trẻ đặc biệt này biểu trưng cho đất nước sau ngày độc lập. Họ đại diện cho sự đa dạng của văn hóa, chính trị – xã hội Ấn Độ đương thời. Mỗi người tạo thành mảnh ghép trong bức tranh bản sắc quốc gia. Trong “hội nghị nửa đêm”, sự khác biệt về địa lí và văn hóa dường như không còn quan trọng. Những đứa trẻ, dù xuất thân từ các vùng nông thôn hay thành thị, giàu có hay nghèo đói đều có quyền chia sẻ tư tưởng và tiếng nói riêng mình. Tuy đẳng cấp, giai tầng, đức tin khác biệt nhưng họ có điểm chung là sinh ra cùng thời khắc độc lập. Nó trao cho những công dân mới này vai trò “thế hệ của tương lai”, những người kiến thiết đất nước, có thẩm quyền bước qua hố sâu ngăn cách cũ. Lok Sabha “hư ảo” đóng vai trò như một cơ cấu dân chủ siêu thực – vượt khỏi thế giới bên ngoài. Nhìn từ góc độ nhân học văn hóa, Lok Sabha “hư ảo” như là không gian nghi lễ chuyển giao (rites of passage) có chức năng “lai tạo”, định hình bản sắc cộng đồng thông qua trải nghiệm ngưỡng. Trong hình thái trung giới đó, ý tưởng mới được trao đổi và tranh luận. Dấu chỉ của một xã hội tiến bộ đang hình thành, liên tục phát triển, truy tìm bản sắc.

Con số 581 không phải là số liệu ngẫu nhiên. Nó ám chỉ cho số ghế trong Hạ viện Ấn Độ năm 1971, khởi đầu thời kì Khẩn cấp. Nhân vật Saleem Sinai cùng những đứa trẻ tài năng là chứng nhân cho giai đoạn sơ kì của nền dân chủ còn non trẻ. Tuy nhiên, tính chất phức hợp của Lok Sabha “ảo” không phải là lời ca tụng cho tương lai Ấn Độ mà báo động tình trạng nguy vong. Vô số tiếng nói bất đồng, tranh cãi “mỗi lúc một lớn dần” phản chiếu những thách thức khắc nghiệt mà các nước hậu thuộc địa phải vượt qua. Chia rẽ về lợi ích, lí tưởng, tôn giáo là những cơ cấu đã ăn sâu vào nền tảng của quốc gia Nam Á này.

Hình ảnh Lok Sabha trẻ con trong tiểu thuyết khơi dậy cuộc đối thoại thú vị giữa Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo và hiện thực phê phán trong sáng tác văn chương. Cuộc đối thoại ngày càng trở nên gay gắt qua những xu hướng ngược chiều: phân mảnh và liên kết, thống

nhất và hỗn loạn. Hội nghị bắt đầu với sự thống nhất trong đa dạng của nền dân chủ trẻ thơ. Tuy nhiên, xung đột về đẳng cấp và sắc tộc trở nên căng thẳng. Những đứa trẻ thuộc giai cấp thượng lưu và Bà la môn tỏ ra khinh bỉ khi phải ngồi chung với các tầng lớp thấp hơn hoặc “đám tiện dân”. Saleem Sinai bắt đầu “nhận ra bọn trẻ đến từ Maharashtra thì ghét dân Gujarat, bọn da trắng ở miền Bắc thì dè bỉu “lũ mọi đen” Dravidian” (Rushdie, 2014, p.334). Tác giả đã mở rộng giới hạn của hiện thực thông qua lăng kính huyền ảo, đồng thời đặt ra những truy vấn trực diện về căn tính của quyền lực, bản sắc và lịch sử. Sự thụ động của niềm hoài vọng rồi cuộc chi phản chiếu tính chất rời rạc, bất toàn.

Như Brian McHale (1987) từng đề cập, văn học hậu hiện đại thường nhấn mạnh sự hòa quyện của nhiều ngữ cảnh, tạo ra sự đứt đoạn giữa những thế giới khả dĩ và làm phức tạp các quan niệm truyền thống về hiện thực. Rushdie hiện thực hóa luận điểm này bằng việc kiến tạo hình thái không gian Trung giới – Lok Sabha, nơi mà thực tại chính trị đan xen cùng huyền thoại. Không gian Lok Sabha trong tiểu thuyết vừa là “thực thể chính trị” vừa là sân khấu diễn ngôn cho những giá trị hữu thể – vô hình, thực tại và mộng tưởng.

Tiểu thuyết hiện thực huyền ảo mang đến những phương tiện đặc trưng cho phép khám phá nghệ thuật vượt qua ranh giới giữa thực tế và siêu nhiên. Những chi tiết siêu nhiên được xem như thành tố hiển nhiên trong cuộc sống thường ngày. Là một đại diện tiêu biểu của dòng văn học hiện thực huyền ảo, Rushdie có những cách tân riêng trong khuynh hướng sáng tác này. Đồng thời, Không gian Lok Sabha “hư ảo” trong tiểu thuyết còn mang tính chất chiến đấu của hiện thực phê phán. Hình tượng con người trong không gian trung giới hiện lên để đấu tranh “tái tạo” tiếng nói của mình trong thế giới xung đột và biến động.

Tuy nhiên, sức kháng cự của hình thái Lok Sabha “hư ảo” giống như một âm vang kì lạ, ngân lên trong khoảnh khắc trước khi tan biến vào bão táp hiện thực. Tiếng nói hi vọng trong Hội nghị trẻ con như bài ca chưa hoàn tất. Tiếng vọng tự do nhạt dần trước tiếng súng ầm ì từ xa dồn dập đến. Đẳng cấp, xã hội, vùng miền làm vỡ vụn từng nốt nhạc của không gian tưởng chừng miên viễn ấy. Không gian trung giới trong *Những đứa con của nửa đêm* trở thành khúc biến tấu tạm thời, dễ dàng bị lịch sử và quyền lực xé tan đi.

Thông qua không gian Trung giới – một cõi chuyển giao, Salman Rushdie đã xây dựng thành công hình ảnh của nền dân chủ đa nguyên Ấn Độ. Mô hình Lok Sabha “hư ảo” có thể được xem như cơ cấu kháng cự tạm thời, mang tính tượng trưng hơn là bền vững. Đó cũng là đặc trưng của những hình thái không gian Trung giới trong văn học hậu hiện đại Ấn Độ nếu đem so với Không gian Thứ ba, không gian ngưỡng hoặc Dị giới. Mặc dù Không gian Trung giới có những đặc điểm của các hình thái không gian trước đó nhưng nó chỉ cung cấp một cơ sở phản kháng tạm thời chứ khó lòng thoát khỏi áp lực từ những bất ổn của các quốc gia hậu thuộc địa. Do đó, sức kháng cự trong Không gian Trung giới bị chi phối, gây nhiễu từ xung đột bên ngoài. Nó dễ bị xâm nhập, áp chế và phá vỡ.

2.3. *Núi rừng huyền ảo trong cảm thức hoài hương (nostalgia)*

(1) Không gian Kashmir hiện lên như là biểu tượng của Thiên đường đã mất, không gian lai tạo giữa văn hóa cổ xưa và hiện thực xung đột, điều tàn. Hình tượng thung lũng Kashmir bộc lộ những mối quan hệ phức tạp của bản sắc và lịch sử trong bối cảnh Ấn Độ hậu thuộc địa. Đó là nơi giao thoa văn hóa, bản sắc lai ghép được hình thành. Kashmir phản ánh chân thực bối cảnh xã hội Ấn Độ trong thời kì phân chia đất nước.

Cảnh sắc tuyệt đẹp, hùng vĩ của Kashmir trở thành cột mốc cho hành trình nhân vật chính: “Chuyện của tôi khởi đầu, tại một thành phố có núi non bao quanh và nằm trên mặt hồ” (Rushdie, 2014, p.364). Núi non hoang dã xuất hiện trong tiểu thuyết của Salman Rushdie với vai trò quan trọng, đồng thời phản ánh sự vận động liên tục của hình thái không gian này dọc theo cốt truyện. Giọng văn miêu tả trung tính chi phối phần lớn ngữ cảnh núi non. Phong cách ngôn ngữ đặc trưng của Salman Rushdie, vốn không hề dễ đọc. Vậy mà cách ông viết về hình tượng núi còn “quái dị” hơn cả bình thường. Trong con mắt nghệ thuật của Rushdie, núi không phải là địa hình cao vút mang đến nghĩa thiêng liêng. Núi phải là mê cung, là thế giới trần ai của loài quái thú. Himalaya trở thành cõi giới cho sự hỗn mang lai tạo “phá vỡ chui ra, ẩm ướt và vàng ươm”. Nó đóng vai trò chứng nhân cho tâm hồn của dân tộc đau thương. Hình tượng núi non “gầm ghè” trong tâm trí người đọc, đe dọa, đầy thách thức. Rushdie đã chuyển hóa không gian thiên nhiên sang mô thức Dị địa - Dị thời. Rồi từ “phòng thí nghiệm ngôn từ” u ám và huyền hoặc của Rushdie, cảm thức hoài hương (nostalgia) như làn khói mịt mù, lan ra bao trùm lên tác phẩm. Cảm thức hoài hương gắn liền với niềm luyến tiếc sâu xa về đẹp của văn hóa dân tộc chan hòa trong hình tượng thiên nhiên. Không gian Trung giới nhuộm màu hư ảo gợi nhớ khôn nguôi hoài niệm về thời xưa cũ khi mà con người còn “chung sống” với thiên nhiên, đặt trọn tâm hồn vào dòng sông, ngọn núi. Trước biến động của xã hội hiện đại, thiên nhiên trở thành nơi chốn của nỗi u hoài, đan xen và lai tạo. Từ quan điểm diễn ngôn của Foucault, ta có thể thấy rằng cảm thức hoài hương biến thành công cụ thể hiện tính chất đối kháng, khát vọng về sự thừa nhận và bình đẳng trong xã hội.

Kashmir hiện lên như giấc mơ về sinh thái với dãy tuyết sơn nhiều quanh hồ Dal trong vắt cùng “bầu trời xanh băng giá xứ Kashmir”. Tưởng chừng gia đình nhân vật chính đã tìm thấy bến đỗ bình yên thời “chưa có trại lính đóng bên hồ”. Nhưng rồi vùng đất ấy cũng không tránh được bão tố chiến tranh, chia rẽ và bạo lực. Về đẹp nguyên sơ bị tàn phá, Kashmir biến thành chiến địa. Từng mảnh đời héo rụng, giấc mộng thanh bình bị cuốn phăng đi. Saleem thấy cơ thể mình cùng mảnh đất này tan chảy vào lịch sử. Kashmir trở thành vết tích hằn sâu vào lịch sử. Một “thiên đường” quê hương tan vỡ chẳng còn là nỗi đau riêng của Saleem. Đó là không gian tâm thức u hoài của một dân tộc vừa chạm ngõ độc lập đã thấy mình lạc lõng trên xa lộ tương lai. Kashmir tượng trưng cho những cõi giới vừa xa xôi vừa gần gũi, mang tính chất siêu hình. Không gian đó hòa trộn những chiều cảm xúc mâu thuẫn giữa cái đã mất và cái từng có được.

Sự biến đổi của không gian “nơi chốn” mang đến chức năng trung chuyển cảm xúc con người. Nhận thức mới được phát sinh, giá trị mới được hình thành từ trong “sinh quyền” của giao thoa và tranh chấp. Các giá trị tri nhận mà diễn ngôn tạo sinh từ Không gian Trung giới - “thiên đường đã mất” thường mang tính phản kháng và lật đổ. Sự biến đổi nhân sinh diễn ra trên nền bối cảnh thiên nhiên có tính “điển phạm” là một trong những điều kiện điển hình cấu thành nên không gian Trung giới. Theo Akhter (2020), nỗi hoài hương trong văn chương xuất hiện cùng sự kiện đau thương gắn liền với nơi chốn tươi đẹp trước biến cố lịch sử. Chúng ta thấy hiện tượng đó diễn ra trong bối cảnh Kashmir, một mô hình Không gian Trung giới trong tác phẩm của nhà văn tha hương Salman Rushdie.

(2) Từ những kỉ nguyên xa xôi, rừng là ẩn dụ vĩ đại cho điều bí ẩn sâu xa giữa đất trời. Tổ tiên nhân loại, kẻ lang thang trên cõi trần ai đã tạo dựng cuộc sống dưới bóng cây cổ thụ. Những thân cây cao vút mang ý nghĩa siêu hình, biên giới vật chất và linh hồn trở nên mờ nhạt. Từng thân cây rừng trở thành nơi nương náu cho linh hồn tổ tiên, những vị thần vô danh trông coi các lối đi bí mật. Rừng đứng đó, tưởng chừng bất biến, nhưng trong sâu thẳm bóng đêm, rễ cây chằng chịt đan vào lòng đất, tạo thành địa đạo giữa nhiều “thế giới”. Đó là “nơi chốn” của kí ức bị lãng quên và tương lai chưa từng được biết. Trong bóng đổ hoang tàn của Thế Nhân sinh (Anthropocene), chiến tranh và tàn phá gặm nhấm dần những mảnh rừng còn sót lại trên mặt đất. Thế nhưng, như một phép màu, những tán rừng ngập mặn Sundarbans là mảnh vỡ cuối cùng, bất khả xâm phạm. Có lẽ luật pháp hay vũ trang không làm nản chí những cái đầu tham vọng, mà sự sùng tín, cảm giác thiêng liêng của cộng đồng mới giữ được rừng. Đó là kiểu “không gian thiêng” từng được nói đến trong Phật giáo nguyên thủy. Rừng đối với những ai đã đạt đến Āryamārga - tự do tâm thức, là nơi tĩnh lặng tuyệt vời, nơi chốn nương tựa của tâm hồn thanh khiết (Huỳnh, 2021). Rừng mang đến “khoảng trống” vô biên, làm nền cho trạng thái tịch mặc tưởng chừng phi lí, như thể cả vũ trụ dừng lại trong sat-na hoàn hảo giữa rừng già. Không gian Trung giới trong *Những đứa con của nửa đêm* được Salman Rushdie dựng lên từ mô hình không gian sinh thái thiêng liêng – hoàn vũ đó.

Gã Buddha, tên gọi khác của Saleem, trở thành kẻ đào tẩu khỏi nỗi chán chường bởi tàn tích của chiến tranh. Gã Buddha, một quân nhân thiện chiến siêu năng, nhưng vết thương nội chiến lại rạch sâu vào tâm hồn chính gã. Trong sâu thẳm u huyền của nội tâm dần vật, khát vọng thiêng liêng trào dâng như mệnh lệnh vô hình “Nam, Nam, Nam”. Nó thúc giục Buddha lia bỏ mọi thứ phía sau, dò dẫm trên những con đường lầy lội, tìm về cội nguồn sơ khởi của chính mình. Đường của hắn là phương Nam, mãi xuống Nam, theo tiếng vọng mù sương trong cõi Lâm Bô với niềm thống hối hoàn toàn (contritio perfecta). Buddha dẫn dắt đồng đội tiến vào Sundarbans - “rừng xanh như mộ địa”. Sundarbans lặng câm và bí mật như ngầm chôn giấu cả những bóng hình đã khuất còn vất vưởng bi thương. Rushdie quay sang thì thầm với người đọc về Không gian Trung giới: “Khi một toa thuốc hiện thực quá liều sẽ sinh ra khao khát bức bối muốn vượt thoát đến thế giới an toàn của những giấc mơ”

(Rushdie, 2014, p.472). Nhưng liệu rằng con người có đủ can đảm để nhìn vào bóng tối của chính mình? Nhân vật trong tiểu thuyết không biết rằng trước mặt họ là Không gian Trung giới - một thế giới không thật mà cũng chưa hẳn là mơ: “chôn vô danh không lịch sử của rừng mưa” (Rushdie, 2014, p.472).

Trong bóng râm mật mù của rừng Sundarbans, hiện tồn lừng lơ giữa thực tại và ảo mộng. Rừng ngập mặn mênh mông là nơi “bất trắc”, thế giới nhập nhằng một nửa là thực, nửa kia là ảo ảnh. Những đường biên từng không thể bị xóa nhòa, đột nhiên tan biến. Mặt đất bùn lầy và dòng sông ngàu đỏ bị nén lại thành một khối nặng nề trôi bất định. Trong vương quốc của rừng, địa lí chẳng còn cố định. Đàm lầy di chuyển theo nhịp chảy của dòng sông. Rushdie mô tả những cơn sóng thủy triều lịch sử luôn chực chờ nuốt chửng quá khứ và cả tương lai. Con người như bước đi giữa mặc cảm thuộc địa và viễn tượng mơ hồ về nền độc lập, chẳng biết mình sẽ thuộc về đâu. Saleem (Buddha) và những người lính trong cánh quân Liệp khuyển, vun lưới gươm xuống đồng loại mình theo lệnh hành quân. Họ chém giết bạo tàn như cổ đẩy lùi nhân tính. Thế nhưng, trong “ánh sáng biến dạng” của rừng mưa, họ bị bao vây bởi chính tội ác đã chôn sâu vào vô thức. Sương mù và gió thốc rừng khuya mang đến tiếng kêu nức nở thì thầm của những người vợ mất chồng, trẻ thơ khóc nức vì mất cha. Thanh âm và không khí đan thành lớp màn buồn bã giày xéo họ. Ayooda, một trong số những bóng hình lạng lẽ, bắt đầu thấy những giấc mộng u linh. Anh lạc về tuổi thơ, hình ảnh mẹ già trông đợi, gương mặt phảng phất về tuổi hờn. Buddha cũng chẳng khá hơn, anh bế tắc trong mê lộ của kí ức. Những người lính cảm thấy khu rừng và số phận như đang âm thầm mưu định rằng họ sẽ chẳng bao giờ trở lại với chính mình: “Cánh rừng thần bí, sau khi hành hạ họ vì những tội ác họ gây ra, đang dẫn dắt họ đến một tuổi trưởng thành mới” (Rushdie, 2014, p.477).

Có thể thấy, rừng Sundarbans lại hiện lên như một không gian tâm thức, nơi thực tại và ảo mộng giao thoa. Rushdie đã khéo léo sử dụng hình ảnh của rừng để thể hiện những nỗi đau, sự mất mát và thanh tẩy của tâm hồn. Rushdie đã đưa Không gian Trung giới đến sát bên biên giới Tịnh thổ (của Dante). Rừng Sundarbans phản ánh mâu thuẫn nội tâm, lòng thống hối, khao khát tự do và cảm giác bị giam cầm. Thông qua việc sử dụng hình tượng núi Kashmir và rừng Sundarbans, Rushdie đã tạo ra một không gian nghệ thuật đa chiều, thiên nhiên trở thành một phần không thể thiếu trong việc khám phá bản sắc con người. Những hình ảnh này không chỉ làm phong phú thêm nội dung tác phẩm mà còn khơi gợi những suy tư sâu sắc về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên trong bối cảnh lịch sử và văn hóa phức tạp của Ấn Độ.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích phương thức tạo lập các mô hình Không gian Trung giới trong tiểu thuyết *Những đứa con của nửa đêm* của Salman Rushdie với vai trò vượt khỏi bối cảnh vật lí để trở thành một cấu trúc diễn ngôn phức tạp. Đó là không gian chuyển giao văn hóa - ngôn ngữ, thể hiện xung đột hậu thuộc địa, đồng thời có tính chất đa thanh và lai ghép. Tiểu

thuyết của Rushdie kết hợp đặc điểm lai ghép từ Không gian Thứ ba (Bhabha) với Chronotope (Bakhtin) tạo nên khả năng đồng hiện của tiềm thức - hiện thực, hoài hương luyến tiếc trong thời - không phi tuyến. Dưới ảnh hưởng của thuyết Dị địa – Dị thời (Foucault) cùng thủ pháp hiện thực huyền ảo, Rushdie mang đến cho Không gian Trung giới chức năng phản biện xã hội, linh hoạt, đa dạng và có dấu ấn sinh thái ban sơ. Những phát hiện này đóng góp vào giá trị lí thuyết và thực tiễn của Không gian Trung giới. Đồng thời, nghiên cứu cũng khám phá vai trò của văn học như là công cụ tái cấu trúc bản sắc trong cơn sóng của toàn cầu hóa. Văn chương trở thành tiếng vọng thâm trầm, truy vấn bất tận về ý nghĩa hiện tồn.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Akhter, F. (2020). Looking backwards to a distant land: South Asian diaspora and function of nostalgia in “Silver Pavements, Golden Roofs,” “Mrs. Sen’s,” and *The Inheritance of Loss*. *South Asian Review*, 41(4), 373-386. <https://doi.org/10.1080/02759527.2020.1840204>
- Bakhtin, M. M. (1984). *Problems of Dostoevsky’s poetics*. University of Minnesota Press.
- Bhabha, H. K. (1994). *The location of culture*. Routledge.
- Dora-Laskey, P.-M. (2016). Postmodern chic and postcolonial cheek: A map of linguistic resistance, hybridity, and pedagogy in Rushdie’s *Midnight’s Children*. *Pivot: A Journal of Interdisciplinary Studies and Thought*, 5(1), 186-208. <https://doi.org/10.25071/2369-7326.40282>
- Foucault, M. (1984). Des espaces autres [Of other spaces]. *Architecture, Mouvement, Continuité*, 5, 46-49.
- Huynh, T. D. (2021). Di sản Sundarbans trong tiểu thuyết *Những đứa con của nửa đêm* của Salman Rushdie [Sundarbans heritage in Salman Rushdie's *Midnight's Children*]. *Journal of Culture and Arts*, 86(464), 86-89.
- Huynh, T. D. (2024). Phan đề truyền thống trong Kim si diêu (Garuda) của Yi Mun-yol nhìn từ góc độ diện ngôn ngữ truyền thống [The antithesis of tradition in Yi Mun-Yol's *Garuda* from the perspective of narrative discourse]. *Hanoi National University of Education Journal of Science: Social Sciences*, 69(3), 23–30. <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2024-0045>
- Maddocks, F. (2015, September 6). Salman Rushdie: It might be the funniest of my novels. *The Guardian*. <https://www.theguardian.com>
- McHale, B. (1987). *Postmodernist fiction*. New York, NY, & London, England: Methuen.
- O’Brien, S. P. (2015). “Both masters and victims of their times”: Engaging aporetic time in *Midnight’s Children*. *The Journal of Commonwealth Literature*, 50(2), 164-178. <https://doi.org/10.1177/0021989414533688>

- Pringle, G. (2002). *Fictional maps: Representation and space in works by Rushdie, Ondaatje and Hollinghurst* (Doctoral dissertation, The University of Edinburgh).
- Rushdie, S. (2014). *Nhung dua con của nửa đêm* (translated by Nham Hoa) [*The Midnight's Children*]. Vietnam Writer Association Publishing House.
- Shevtsova, M. (1992). Dialogism in the novel and Bakhtin's theory of culture. *New Literary History*, 23(4), 747-761. <https://doi.org/10.2307/469228>
- Turner, V. W. (1964). *Betwixt and Between: The Liminal Period in Rites de Passage*. In *The Proceedings of the American Ethnological Society* (pp.4-20). Symposium on New Approaches to the Study of Religion.
- Tygstrup, F. (2008). Changing spaces: Salman Rushdie's mapping of post-colonial territories. In A. de Lange, G. Fincham, J. Hawthorn, & J. Lothe (Eds.), *Literary Landscapes* (p.12). https://doi.org/10.1057/9780230227712_12

THE FORMS OF INTERMEDIARY SPACE IN SALMAN RUSHDIE'S NOVEL *MIDNIGHT'S CHILDREN*

Huỳnh Thị Diễm

An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City, An Giang Province, Vietnam

Corresponding author: Huỳnh Thị Diễm – Email: htdiem@agu.edu.vn

Received: October 03, 2024; Revised: November 13, 2024; Accepted: November 29, 2024

ABSTRACT

*This paper analyzes prominent spatial forms in Salman Rushdie's novel *Midnight's Children*, focusing specifically on postcolonial India's multicultural complexity, national identity, and ecological challenges through poetic innovations. At the core of this analysis lies the concept of “Intermediary space” – an evolution from the “Third Space” theory – which functions as a transitional environment marked by nostalgia. Through this theoretical lens, the study demonstrates how this space serves as a crucial mechanism for identity hybridization and transmission. Within these spatial constructs, the research reveals how characters from diverse social classes, origins, and regions engage in identity reconstruction. Building upon this foundation, Rushdie's experimental models, including the “imaginary” Lok Sabha, ecological mountains, and spectral forests, not only enrich literary theory but also expand creative possibilities in spatial representation. Furthermore, by extending spatial boundaries into new abstractions, the novel prompts critical inquiries into power dynamics, identity formation, and ecological concerns in contemporary contexts. Ultimately, this analysis shows how the Intermediary space reflects knowledge dynamism while anticipating emerging challenges within sustainable development frameworks.*

Keywords: Intermediary Space; *Midnight's Children*; Salman Rushdie